TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **80**/2018/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 20 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý 63/2018/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Hoàng N,** sinh năm 1990

Đăng ký HKTT: Tổ 17, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Nơi ở hiện nay: Bản P, xã H, huyện P, tỉnh Sơn La.

* *Bị đơn*: Anh **Lê T,** sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 17, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81 và 82 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2018;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng N và anh Lê T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao 02 con chung là Lê M, sinh ngày 04/7/2010 và Lê P, sinh ngày 17/3/2016 cho chị Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn, anh Lê T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do hiện tại chị N không yêu cầu.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai đ- ợc cản trở.

- *Về tài sản chung:* Chị Hoàng N và anh Lê T có tài sản chung nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Hoàng N và anh Lê T không vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Hoàng N tự nguyện nhận chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)* nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số Nº0005125 ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị Hoàng N số tiền chênh lệch là 150.000đồng *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng)*.

Anh Lê T không phải chịu án phí của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS tp. Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường H (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

Thẩm phán

Phạm Thị H□ơng Giang